**MÔ TẢ CHI TIẾT USE CASE (ĐẶC TẢ USE CASE)**

* 1. **UC quy đổi điểm mua hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Use case ID | 1.1 |
| Use case name | Quy đổi điểm mua hàng |
| Description | Là nhân viên quản lý hệ thống CRM, tôi muốn hỗ trợ khách hàng quy đổi điểm tích lũy để được nhânj ưu đãi khi mua hàng tại cửa hàng. |
| Actors | Nhân viên quản lý hệ thống CRM |
| Priority | Must have |
| Triggers | Khách hàng muốn tích luỹ điểm mua hàng để nhận ưu đãi |
| Pre-conditions | * Thông tin khách hàng hợp lệ * Hoá đơn mua hàng từ 100,000đ trở lên |
| Post-conditions | * Khách hàng tích được điểm thưởng * Điểm thưởng được lưu vào hệ thống |
| Main flow | 1. Xác định nhu cầu quy đổi điểm 2. Nhập thông tin khách hàng 3. Ghi nhận thông tin khách hàng 4. Kiểm tra thông tin khách hàng 5. Quy đổi điểm mua hàng 6. Lưu thông tin quy đổi 7. In hoá đơn |
| Alternative flows | 2a. Nhập bằng tay  3a. Hệ thống ghi nhận thông tin qua bàn phím  2b. Nhập bằng giọng nói  3b. Hệ thống ghi nhận thông tin qua giọng nói |
| Exception flows | 1a. Nếu khách hàng không muốn thực hiện quy đổi, kết thúc.  3c. Nếu nhập thông tin không thành công thì thông báo “ Nhập thông tin thất bại”  3c1. Hệ thống yêu cầu nhập lại thông tin khách hàng  4a. Nếu thông tin không có sẵn trong hệ thống, hiển thị thông báo “Thông tin không có sẵn”.  4a1. Nhân viên chọn lệnh thêm thông tin khách hàng.  4a2. Hệ thông cập nhật thông tin khách hàng mới  4b. Nếu thông tin khách hàng đã tồn tại, hiển thị thông tin khách hàng.  5aNếu khách hàng không đủ số điểm cần thiết, hệ thống sẽ hiển thị thông báo "Không thể quy đổi điểm" và kết thúc.  6a Nếu lưu không thành công thì hiển thị thông báo “Có lỗi xảy ra” và kết thúc. |
| Business rules | Tỷ lệ quy đổi điểm: 100.000đ = 1 điểm |
| Non-functional requirements | N/A |

A diagram of a company structure

Description automatically generated